SỞ Y TẾ PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM KHÊ

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC SỐ LƯỢNG VẮC XIN (VẮC XIN, SINH PHẨM) TIÊM CHỦNG DỊCH VỤ PHỤC VỤ CHUYÊN MÔN NĂM 2025 - 2026 TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM KHÊ

(Đính kèm công văn số: 448/CV-TTYT ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê)

Ký bởi: Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê
Cơ quan: Sở Y tế, Tỉnh Phú Thọ

STT	**Số TT theo thông tư 19/2018**	**Tên hoạt chất**	**Nhóm thuốc**	**Nồng độ, Hàm lượng**	**Đường dùng**	**Dạng bào chế**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	380	Vắc xin phòng 6 bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm gan B, Hib	Nhóm 1	0,5ml: ≥30IU; ≥40IU; 25mcg, 25mcg, 8mcg; 10mcg; 40DU, 8DU, 32DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp	1.400
2	382	Vắc xin ngừa phế cầu polysaccharid, 20 týp	Nhóm 1	0,5ml: 1mcg x 14 tuýp + 3mcg x 6 tuýp	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Liều	3.000
3	382	Vắc xin ngừa phế cầu polysaccharid, 13 tuýp + protein vận chuyển	Nhóm 1	0,5ml: 2,2mcg x 12 tuýp + 4,4mcg x 1 tuýp + 32mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	500
4	386	Vắc xin phòng bệnh tiêu chảy do Rotavirus-chủng RIX4414	Nhóm 1	1,5ml: ≥ 106.0 CCID50	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	400
5	388	Vắc xin phòng não mô cầu (B, C)	Nhóm 5	0,5ml: 50mcg + 50mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	1.500
6	392	Vắc xin phòng thủy đậu- Oka/Merck	Nhóm1	≥1350 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	600
7	392	Vắc xin phòng thủy đậu- chủng OKA	Nhóm 1	≥ 10^3,3 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	600
8	374	Vắc xin phòng bệnh viêm não Nhật Bản-chủng SA14-14-2	Nhóm 5	4,0 - 5,8 log PFU; 0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	400
9	374	Vắc xin phòng bệnh viêm não Nhật Bản: chủng SA 14-14-2	Nhóm 5	6mcg/ml x 0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	300
10	374	Vắc xin phòng bệnh viêm não Nhật Bản: chủng SA 14-14-2	Nhóm 5	12mcg/ml x 0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	200
11	391	Vắc xin sởi, quai bị, rubella	Nhóm 1	0,5ml: ≥1000 CCID50; ≥ 12500 CCID50; ≥ 1000 CCID50	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	600

STT	Số TT theo thông tư 19/2018	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
12	391	Vắc xin sởi, quai bị, rubella	Nhóm 1	5ml: ≥ 10^3,0 CCID50; ≥ 10^3,7 CCID50; ≥ 10^3,0 CCID50	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	400
13	390	Vắc xin phòng vi rút HPV ở người týp 6, 11, 16, 18	Nhóm 1	0,5ml: 20mcg; 40mcg; 40mcg; 20mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	300
14	390	Vắc xin phòng vi rút HPV ở người týp 6, 11, 16, 18, 31, 33, 45, 52, 58	Nhóm 1	0,5ml: 30mcg; 40mcg; 60mcg; 40mcg; 20mcg; 20mcg; 20mcg; 20mcg;	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1.000
15	2023GV1.36	Immune globulin	Nhóm 1	180IU/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	200
16	393	Vắc xin phòng bệnh viêm gan A	Nhóm 4	<200mcg/ml x 0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	300
17	379	Vắc xin phòng bệnh dại- chủng Pitman Moore	Nhóm 5	≥2,5IU	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	3.000
Tổng: 17 danh mục								